

FDI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hữu Hiểu

Tình hình FDI trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam

Khuyến khích và dành ưu đãi cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chú trọng ngay từ khi ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đầu tiên vào năm 1987. Tính đến cuối năm 2007, lĩnh vực nông nghiệp đã thu hút được 933 dự án (còn hiệu lực), chiếm 10,8% tổng số dự án FDI của cả nước. Lượng vốn đầu tư đăng ký gần 4,5 tỷ USD (chiếm 5,37%), trong đó 2,02 tỷ USD đã được triển khai trong thực tế. Trong tổng số dự án đầu

từ các nước thuộc EU, như quần đảo British Virgin Islands (chiếm 11% tổng vốn đầu tư), Pháp (chiếm 8%).

Các dự án FDI trong nông nghiệp đã phát huy tác động tích cực, góp phần không nhỏ thúc đẩy nền nông nghiệp nói riêng và kinh tế Việt Nam phát triển, điều này thể hiện trên một số nét chủ yếu sau:

Thứ nhất, các dự án FDI đã góp phần tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá, nâng cao giá trị nông sản, hướng tới đáp ứng nhu

Tình hình thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam (Tính đến cuối năm 2007)

Đơn vị: USD

STT	Ngành, lĩnh vực	Số dự án	Vốn đăng ký	Vốn thực hiện
1	Nông-Lâm nghiệp	803	4.014.833.499	1.856.710.521
2	Thủy sản	130	450.187.779	169.822.132
Tổng số		933	4.465.021.278	2.026.532.653

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

tư vào nông nghiệp, các dự án hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản, thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất 53,71% tổng vốn đăng ký, tiếp theo là các dự án trồng rừng và chế biến thức ăn gia súc, chiếm 12,7%, các dự án trồng trọt chiếm gần 9%. Hiện đã có 50 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào nông nghiệp, chủ yếu là các nước châu Á (Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông,...) chiếm 60% tổng vốn đầu tư. Đài Loan là quốc gia có lượng vốn đầu tư nhiều nhất, chiếm hơn 28%. Bên cạnh các nước châu Á, nông nghiệp Việt Nam cũng tiếp nhận được vốn đầu tư

cầu tiêu dùng trong nước và thị trường quốc tế. Hàng năm hàng trăm triệu USD hàng nông sản hoặc có nguồn gốc nông sản được các doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp xuất khẩu ra nước ngoài.

Thứ hai, cơ cấu vốn FDI tương đối phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ngành, nguồn vốn được thu hút khá đồng đều vào các lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông, lâm sản, sản xuất mía đường, thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi gia cầm, gia súc, trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy.

Thứ ba, các dự án FDI đã tạo việc làm cho hàng vạn lao động công nghiệp. Đến nay có khoảng 90.000 lao động đang làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp FDI của ngành. Bên cạnh đó, với hiệu ứng lan toả, các dự án FDI nông nghiệp còn tạo ra một lượng lớn việc làm gián tiếp, đó là những việc làm cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định để các nhà máy hoạt động.

Thứ tư, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp còn có tác dụng tích cực trong việc chuyển giao công nghệ. Nhiều dây chuyền công nghệ mới thuộc loại tiên tiến và hiện đại bậc nhất thế giới đã được chuyển giao vào Việt Nam như dây chuyền xay xát gạo Satake của Nhật Bản, dây chuyền sản xuất bột mì của Xingapo, Indônêxia, các dây chuyền chế biến rau quả của Italia, Hà Lan, các dây chuyền chế biến chè của Nhật Bản, Đài Loan, các nhà máy đường của Anh, Pháp, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, liên doanh chế biến sữa và các sản phẩm sữa, liên doanh chế biến hải sản,... Bên cạnh đó, nhiều giống cây mới có năng suất cao như giống dưa Cayen, giống mía Ấn Độ, Đài Loan, châu Mỹ Latinh cũng đã được đưa vào Việt Nam. Các công nghệ mới này góp phần không nhỏ trong việc tạo ra một khối lượng hàng nông sản xuất khẩu lớn, chất lượng cao và giá thành hạ, có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Tuy nhiên, so với các ngành khác, tỷ trọng FDI trong ngành nông nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và tầm quan trọng của ngành trong nền kinh tế quốc dân. Các cường quốc nông nghiệp như Hoa Kỳ, Canada, Ôxtraylia chưa thực sự đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam. Phân bổ vốn FDI chưa đồng đều giữa các vùng, miền. Vốn FDI hiện tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng, trong khi đó các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên là những nơi rất cần vốn nhưng nhận được ít vốn đầu tư. Các dự án FDI chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của các vùng. Nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu mới tập trung vào các dự án thu hồi vốn nhanh như sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến nông sản, ít triển khai các dự án phát triển công nghệ sinh học trong nông nghiệp, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi mới, trồng chế biến các loại

rau, quả xuất khẩu bằng kỹ thuật cao,...

Nguyên nhân nào dẫn đến các hạn chế trên?

Một là, Việt Nam chưa xây dựng được chiến lược thu hút và quy hoạch sử dụng FDI cho phát triển nông nghiệp và nông thôn. Chưa có cơ chế lựa chọn đề xuất các dự án FDI ưu tiên trong ngành, thiếu chính sách ưu đãi vận động FDI vào nông nghiệp. Chưa có cơ quan chính thức của ngành theo dõi và giúp đỡ giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án FDI. Chưa có sự phối kết hợp giữa ngành và địa phương.

Hai là, những nguyên nhân bắt nguồn từ thủ tục hành chính, chính sách chung của nhà nước. Chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án nông nghiệp chưa phát huy hiệu quả, trong bối cảnh cơ sở hạ tầng cứng và cơ sở hạ tầng mềm để phát triển nông nghiệp còn thiếu và yếu. Do gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn triển khai, nên tỷ trọng các dự án FDI nông nghiệp giải thể cao (hơn 30%) so với tỷ trọng trung bình của cả nước khoảng 20%.

Ba là, trình độ nhân lực ở nông thôn chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chưa xứng tầm để trở thành đối tác liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.

Bốn là, rủi ro khi đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn nói chung cao hơn nhiều so với các ngành khác. Thời gian đầu tư và thu hồi vốn dài, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố tự nhiên. Trong khi đó, các nông sản có chất lượng tiêu dùng cao, nhãn hiệu nổi tiếng và hàm lượng giá trị gia tăng của Việt Nam chưa được tạo dựng. Hơn nữa, nông nghiệp Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn chuyển dần từ một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá, đổi mới cơ chế quản lý và từng bước hội nhập vào khu vực và thế giới, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn phát sinh từ chính nội tại của quá trình chuyển đổi.

Năm là, các địa phương có xu hướng tập trung thu hút FDI vào ngành công nghiệp và dịch vụ,

chưa quan tâm đúng mức đến lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp vốn là thế mạnh của địa phương.

Giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, phát triển đa dạng, bền vững và hiệu quả cao trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao làm ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; hình thành mô hình nông thôn mới có cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ hợp lý, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo việc làm cho người lao động ở nông thôn, tiến tới một nông thôn no đủ, dân chủ, công bằng và văn minh như Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn đến năm 2010 đã xác định, thì cần có một nguồn lực tài chính rất lớn, trong đó vai trò của vốn FDI là không thể phủ nhận. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng mục tiêu thu hút 1,5 tỷ USD vốn FDI vào lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp trong giai đoạn 2006 - 2010. Đây là số vốn không lớn so với các ngành, lĩnh vực khác, nhưng là nhiệm vụ không dễ đạt được đối với ngành nông nghiệp. Để thực hiện mục tiêu này, trong thời gian tới, thiết nghĩ có thể áp dụng các giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác quản lý nhà nước về FDI trong nông nghiệp.

- Cần nhanh chóng xây dựng chiến lược thu hút và quy hoạch sử dụng FDI cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là tăng cường tiếp xúc, giới thiệu cơ hội đầu tư, sản phẩm có khả năng phát triển của ngành với các nhà đầu tư nước ngoài. Xác định rõ đơn vị chính thức (thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề FDI, từ tiếp xúc, hỗ trợ thủ tục, thống kê, theo dõi đánh giá và quản lý, làm đầu mối giải quyết các vấn đề khi doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- Quy hoạch và chủ động xây dựng các khu nông nghiệp tập trung, các khu nông nghiệp công nghệ cao để tạo địa bàn cho việc tiếp nhận công nghệ chuyển giao từ các nhà đầu tư nước ngoài

một cách thuận lợi.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài, nâng cao tính tiên liệu, minh bạch, đơn giản hoá thủ tục cấp phép, quản lý hoạt động đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển thị trường, phát triển vùng nguyên liệu, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đặt ra của các nhà đầu tư nước ngoài.

Hai là, định hướng hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp của Việt Nam, đồng thời khai thác được thế mạnh của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Về trồng trọt và chế biến nông sản: Tập trung vào các dự án xây dựng các vùng trồng và chế biến nông sản xuất khẩu như lúa gạo, cây lương thực, rau quả, cà phê, cao su, chè,... theo hướng thâm canh, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đổi mới thiết bị các xưởng chế biến.

- Về chăn nuôi và chế biến sản phẩm chăn nuôi: Tập trung thu hút vào các dự án sản xuất giống lợn, bò và gia cầm có chất lượng cao tại các vùng có điều kiện thuận lợi về lao động, đất đai, đảm bảo vệ sinh môi trường khi phát triển chăn nuôi với quy mô lớn, đồng thời tiếp tục thu hút đầu tư sản xuất thức ăn gia súc có chất lượng cao.

- Về trồng rừng - chế biến gỗ: Tập trung vào các dự án sản xuất giống cây có chất lượng, năng suất cao nhằm đáp ứng nhu cầu trồng rừng nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ, lâm sản, giấy,...

Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, áp dụng các biện pháp khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp, theo đó:

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các dự án đầu tư về công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây, con có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông, lâm nghiệp như các công trình

thuỷ lợi, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hệ thống giao thông nội đồng,...

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư công nghệ chế biến thực phẩm, bảo quản sau thu hoạch để nâng giá trị sản phẩm, tạo ra thị trường tiêu thụ nông sản ổn định, đặc biệt xuất khẩu.

Bốn là, sử dụng các nguồn vốn khác, đặc biệt là vốn ODA để khơi thông dòng chảy vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp.

Trong thời gian tới cần tăng cường gắn kết hai nguồn vốn ODA và FDI trong lĩnh vực nông nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng chúng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhanh

chóng xây dựng chiến lược thu hút, sử dụng vốn ODA và FDI trong từng giai đoạn một cách đồng bộ, hợp lý, gắn chặt với mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn của thời kỳ đó. Vận động và sử dụng nguồn vốn ODA vào việc thiết kế chiến lược và quy hoạch FDI cho ngành. xây dựng hệ thống đánh giá tổng thể hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển, các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, các trường dạy nghề nông thôn, các chương trình hỗ trợ vận động xúc tiến đầu tư, chương trình hỗ trợ phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam, các chương trình tạo dựng thị trường nông sản hiện đại,...

MỘT SỐ NỘI DUNG... (Tiếp theo trang 29)

phát sinh câu hỏi “Thời điểm phát sinh sai sót là thời điểm nào: thời điểm phát sinh hóa đơn, chứng từ mà bị bỏ sót, hay thời điểm lễ ra phải kê khai nhưng bỏ sót không kê khai?”. Do vậy, các văn bản Hướng dẫn cần làm rõ cách hiểu nào trong quy định này của Luật để thống nhất trong thực hiện.

Thứ hai, tại Điều 5 Luật thuế GTGT quy định về “Đối tượng không chịu thuế” có đoạn như sau: “Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này”. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 1 Điều 12 quy định “Thuế giá trị gia tăng đầu

vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ”. Trong khi đó, hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại là một nhóm thuộc diện không chịu thuế GTGT quy định tại Điều 5 nêu trên. Do vậy, để tránh mâu thuẫn, khi soạn thảo văn bản Hướng dẫn cần bổ sung vào đoạn cuối của Điều 5 cụm từ sau “và điểm c khoản 1 Điều 12 Luật này”. Khi đó, đoạn quy định trên của Điều 5 sẽ được cụ thể hóa như sau: “Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường

hợp áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 và trường hợp hoàn thuế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Luật này”.

Để cụ thể hóa Luật thuế GTGT, có nhiều nội dung khác cần Hướng dẫn cụ thể. Tuy nhiên, những nội dung này có thể kế thừa những văn bản Hướng dẫn thi hành đã có về thuế GTGT. Những vấn đề nêu trên là những vấn đề mới phát sinh hoặc đã phát sinh vướng mắc trong thực tiễn nhưng chưa được giải quyết. Hy vọng rằng, các văn bản Hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT sẽ góp phần làm cho Luật này đơn giản, rõ ràng và minh bạch hơn./